TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2026/HS-ST
Ngày 22 - 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thu Thúy và bà Bùi Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Minh Thương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Trần Anh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2026/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Tô Văn H, sinh ngày 12/8/1979, tại tỉnh Ninh Bình;

Nơi thường trú: tổ F, khu E, phường C, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: tổ F, khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn H1 và bà Vũ Thị X; có vợ là Trần Thị N và có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: không có; tiền sự: ngày 29/8/2025 Ủy ban nhân dân phường H đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 389/QĐ-XPHC, hình thức phạt tiền 22.500.000 đồng, đã chấp hành xong quyết định xử phạt; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh; có mặt.

** Đại diện bị hại anh Nguyễn Hữu C:*

1. Bà Trương Thị M; sinh năm 1936; Nơi cư trú: thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

2. Cháu Nguyễn Thị N1; sinh năm 2001; nơi cư trú: thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

3. Cháu Nguyễn Quỳnh M1; sinh năm 2010; nơi cư trú: thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện hợp pháp: Chị Đào Thị T1; sinh năm 1983;

Nơi cư trú: thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên;

Vắng mặt

4. Cháu Nguyễn Anh M2; sinh năm 2014; nơi cư trú: thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện hợp pháp: Chị Đào Thị T1; sinh năm 1983;

Nơi cư trú: thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên;

Vắng mặt

**Người tham gia tố tụng khác:*

- Người làm chứng:

1. Anh Hoàng Văn A, vắng mặt;

2. Anh Nguyễn Đình V, vắng mặt;

3. Ông Mai Xuân K, vắng mặt;

4. Anh Bùi Văn T2, vắng mặt;

5. Anh Vũ Văn S, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tô Văn H làm nghề cai thầu xây dựng tự do. Ngày 24/10/2024, H ký hợp đồng thi công xây dựng với ông Vũ Thanh B để nhận thi công xây dựng nhà ở kết hợp kinh doanh tại tổ A, khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh do ông B làm chủ, đã được Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Quảng Ninh cấp phép theo các giấy phép xây dựng cho nhà ở riêng lẻ đô thị. Trong hợp đồng nêu rõ: Bên nhận thi công (Tô Văn H) tự chịu trách nhiệm toàn bộ về an toàn lao động trong khi thi công bao gồm: Giàn giáo và lưới che chắn an toàn thi công…Nếu xảy ra mất an toàn lao động thì bên nhận thi công hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Sau khi ký hợp đồng, khoảng giữa tháng 8/2025, H trao đổi với anh Hoàng Văn A về việc tìm thêm thợ để xây công trình. Anh A gọi các ông Nguyễn Đình V, ông Mai Xuân K, anh Bùi Văn T2 và anh Nguyễn Hữu C đến làm việc tại công trình này, thỏa thuận cùng làm, cùng ăn, cùng chia với số tiền công được trả theo năng lực của từng người. Cụ thể: anh A và anh T2 được tính công 500.000 đồng/ngày công; ông K là 350.000 đồng/ngày công, còn ông V là 450.000 đồng/ngày công; ông C là 400.000 đồng/ngày công, cơm nuôi 03 bữa. Cuối tháng căn cứ khối lượng công việc thực hiện được và số ngày công của

từng người sẽ được ứng lương cho đến khi thi công xong công trình sẽ được thanh toán và chia đều phần dư cho từng người. Ngoài làm thợ xây, phụ xây dựng, nhóm này còn thực hiện công việc vận chuyển vật liệu xây dựng đến các tầng để phục vụ việc xây dựng.

Khoảng 07 giờ ngày 26/10/2025, tại công trình, H trực tiếp phân công việc giao cho anh T2, ông K, ông V, anh C phối hợp với anh Vũ Văn S là lái xe cẩu trục tự hành biển số 14LA-2131, nhãn hiệu SCT750 Sanny – Trung Quốc, của Công ty V1 thực hiện cẩu gạch, cát, xi măng lên các tầng của công trình. Sau khi giao việc xong H đi khỏi công trình. Ông K, ông V và anh C khi thấy xe cẩu đến đã dừng việc xây tường bao gần cầu thang tầng 5 để xuống tầng 1 phối hợp với anh S cẩu gạch và cát lên tầng 5. Khoảng 10 giờ 55 cùng ngày, H quay trở lại công trình cũng là lúc xe ô tô chuyển 03 kiện xi măng (mỗi kiện gồm 40 bao, mỗi bao nặng 50 kg) đến công trình. Lúc này ông K, ông V và anh C phối hợp với anh S cẩu chuyến cát cuối lên tầng 5, sau đó cả ba cùng đi từ dưới tầng 1 lên tầng 5 để chuẩn bị đón các kiện xi măng. Thấy xe vật liệu đến, H liền đi lên mặt sàn tầng 05 của công trình để cùng các công nhân khác đón xi măng khi được cẩu lên, H lấy bộ đàm để hướng dẫn lái cẩu điều chỉnh vị trí đặt kiện xi măng. Tại đây, anh T2 đứng sát mép ngoài công trình còn anh C đứng bên phải anh T2, ở gần vị trí đón các bao xi măng. Ngay khi kiện xi măng cách mặt sàn khoảng 15 cm, anh T2, anh C cùng đưa tay ra cầm vào kiện xi măng để định hướng vị trí đặt thì bất ngờ anh C ngã, rơi xuống va đập vào mặt sàn tầng 4 rồi tiếp tục rơi xuống nền sân phía trước tầng 1 công trình khiến anh C tử vong tại chỗ.

Biên bản khám nghiệm hiện trường thể hiện: Hiện trường xảy ra tại công trình xây dựng của anh Vũ Thanh B tại tổ A, khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh. Tại các tầng nhà đang thi công từ tầng 01 đến tầng 06 không có lưới, lan can bảo vệ, không có biện pháp đảm bảo an toàn.

Tại tầng 5 của tòa nhà: đang thi công, mặt sàn để nhiều gạch, sắt thép. Phía T sàn có 05 trụ bê tông. Khu vực phía ngoài trụ thứ 2 và thứ 3 có kê các thanh sắt hộp, bắt với nhau, phía trên để tấm tôn là chỗ tập kết các bao xi măng xây dựng, khu vực này đua ra ngoài mép tầng 5 là 1,7m. Từ mặt sàn tầng 5 đến sàn tầng 1 là 17,2m.

Vị trí tương ứng tại tầng 4 cũng có các thanh sắt hộp, bắt và để tấm tôn, xây đua ra ngoài 1,7m, phía trên bên phải đặt 01 khối gạch. Khoảng cách giữa mặt sàn tầng 5 và tầng 4 là 3,5m, từ mặt sàn tầng 4 đến phía trước tầng 1 là 13,7m.

+ Vị trí anh C đứng làm việc trước khi bị ngã (ký hiệu 1), được xác định ở phía ngoài trụ bê tông thứ 2, sát mép ngoài phía T, cách mép Đông Bắc 6,1m, nằm bên phải khu vực tập kết xi măng tại tầng 5.

+ Vị trí anh C ngã rơi xuống tại tầng 4 (ký hiệu 2), được xác định tại phần mép ngoài phần thanh sắt xây đua ra ngoài, cách mép ngoài phía T 1,6m, cách mép ngoài Đông Bắc 5,5m.

+ Vị trí anh C ngã xuống tại nền đất phía trước tầng 1 (ký hiệu 3), cách mép T tầng 1 3,75m, cách mép Đông Bắc 4,7m. Khu vực này có đặt các thanh sắt bó thành cuộn, phía trên phủ bạt, trên nền đất có nhiều gạch đá. (Bút lục số 40 – 42).

Kết luận giám định tử thi số 1632/KLGĐTT-KTHS ngày 29/10/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận: Nguyên nhân chết của anh Nguyễn Hữu C do S1 đa chấn thương.

Tại Công văn số 70/CV-TBVV ngày 12/02/2026 của Viện Quy hoạch và Thiết kế xây dựng Q kết luận:

- Tại thời điểm kiểm tra các vị trí của 5 tầng của 3 khối; khối A, khối B, khôi 3. Bê tông cột, sàn đạt mác trung bình B 27,5 đến B 30 (tương ứng với mac 350 đến 400).

- Công trình xây dựng của ông Vũ Thanh B cơ bản là xây dựng đúng quy hoạch và chỉ giới xây dựng được cấp phép. Về kết cấu công trình có thể kết luận đảm bảo điều kiện và không ảnh hưởng đến công năng sử dụng và điều kiện cấp phép ban đầu của thành phố H (cũ) theo chỉ giới và quy hoạch của thành phố H (cũ).

- Tại thời điểm kiểm tra khảo sát toàn bộ 3 khối của công trình, hiện tại có khối ngoài đường theo cấp phép là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 1 tổ B, khu C, phường H (cũ) đã thực hiện che chắn bụi ngoài nhà 3 mặt cách công trình 1,4m, nhưng chưa thực hiện theo quy chuẩn 3 tầng phải có lưới chắn vật rơi theo quy định.

- Về công tác phòng cháy chữa cháy trong quá trình thi công nhà thầu tại các tầng và điểm đấu nối đã có tủ điện đầu nối thi công nhưng dây nối thi công vẫn để trên mặt sàn nên chưa đảm bảo phòng cháy chữa cháy trong quá trình thi công, chưa có phương án và bình chữa cháy tại chỗ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa:

Bị cáo Tô Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Ngoài ra H còn khai: Do chưa được học, chưa được đào tạo qua trường, lớp liên quan đến nghiệp vụ xây dựng, chỉ làm việc theo thói quen và kinh nghiệm và vì

chủ quan chưa từng xảy ra vấn đề mất an toàn lao động trong toàn bộ quá trình thực hiện công việc nên H vẫn để nhóm công nhân thực hiện công việc trong điều kiện, hoàn cảnh không an toàn.

Đại diện bị hại Nguyễn Hữu C xác nhận đã được bồi thường số tiền 100.000.000 đồng, gia đình ông C không yêu cầu bồi thường gì khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tố Văn H2.

Người làm chứng là ông Bùi Văn T2 có lời khai thể hiện khoảng 07 giờ ngày 26/10/2025 H2 trực tiếp phân công công việc cho ông T2 để bảo ông K, anh V, anh C phối hợp với lái cẩu vận chuyển cát, gạch, xi măng lên các tầng phục vụ việc xây dựng. Sau khi nhận việc ông T2 cùng những người còn lại thực hiện công việc. Khoảng 11 giờ cùng ngày, khi xe xi măng đến và kiện xi măng được cẩu lên phía trước mặt sàn tầng 5 thì ông T2 đi đến mép ngoài mặt sàn, anh C đứng trên mặt sàn dùng tay cầm vào dây đai, vỏ bao xi măng điều hướng đặt kiện xi măng thì bất ngờ anh C ngã ngửa về phía sau rồi rơi xuống đất dẫn đến tử vong. Quá trình làm việc ông T2 cùng những người khác không được H2 cấp trang bị bảo hộ lao động, công trình không được lắp đặt các biện pháp an toàn.

Người làm chứng là ông Mai Xuân K, anh Nguyễn Đình V, anh Hà Văn A1 mặc dù không được chứng kiến diễn biến việc anh C ngã xuống tầng 1 nhưng đều xác nhận quá trình làm việc không được H2 trang bị bảo hộ lao động, công trình không được lắp các biện pháp an toàn.

Bản Cáo trạng số 48/CT-VKSKV1 ngày 04/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh truy tố bị cáo Tô Văn H về tội *"Vi phạm quy định về an toàn lao động"* theo điểm a khoản 1 Điều 295 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bị cáo Tô Văn H phạm tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động"

Xử phạt: bị cáo Tô Văn H từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát và nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Q; Kiểm sát viên. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Tô Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản khám nghiệm tử thi, các Kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Tô Văn H là chủ thầu, thi công công trình xây dựng xây dựng nhà ở kết hợp kinh doanh của ông Vũ Thanh B tại địa chỉ tổ A, khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình thi công, H không thực hiện các biện pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn lao động khi thi công; không lập kế hoạch, không kiểm tra giám sát chặt chẽ; không trang bị dây an toàn để đảm bảo an toàn cho nhóm công nhân khi làm việc trên cao; không tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, không trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân. Khoảng 11 giờ ngày 26/10/2025, tại khu vực tầng 05, H chỉ đạo công nhân anh Nguyễn Hữu C đón đặt kiện xi măng từ cẩu lên mặt sàn công tác phía ngoài tầng 05 của công trình, quá trình đón anh C đã bị ngã rơi từ tầng 5 xuống đất. Hậu quả: anh C tử vong.

Nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn lao động trên do H không đảm bảo an toàn lao động làm người lao động anh Nguyễn Hữu C trong quá trình làm việc dẫn đến việc anh C tử vong do bị ngã, vi phạm điểm b khoản 2 Điều 7, Điều 15, khoản 3 Điều 16, khoản 1 Điều 18, khoản 1, 2 Điều 23 Luật an toàn, vệ sinh lao động; vi phạm khoản 2.1.5.1, 2.1.5.2 2.7.1.1, 2.7.1.2, 2.7.1.4, 2.7.1.5, 2.19.1.1, 2.19.3.1, Mục 2 của Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia an toàn trong xây dựng - QCVN 18:2021/BXD (ban hành kèm theo Thông tư số 16/2021/TT-BXD ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng Bộ X1).

Luật an toàn, vệ sinh lao động quy định:

*"... **Điều** 7. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động*

2. Người sử dụng lao động có nghĩa vụ sau đây: ...

b) Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; trang bị đầy đủ phương tiện, công cụ lao động bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; thực hiện việc chăm sóc sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; thực hiện đầy đủ chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động; ...

***Điều 15**. Nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động*

Người sử dụng lao động căn cứ pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn, vệ sinh lao động và điều kiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, lao động để xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

***Điều 16**. Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc*

3. Trang cấp đầy đủ cho người lao động các phương tiện bảo vệ cá nhân khi thực hiện công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại; trang bị các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc. ...

***Điều 18**. Kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc*

1. Người sử dụng lao động phải tổ chức đánh giá, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc để đề ra các biện pháp kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động; thực hiện các biện pháp khử độc, khử trùng cho người lao động làm việc ở nơi có yếu tố gây nhiễm độc, nhiễm trùng. ...

***Điều 23**. Phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động*

1. Người lao động làm công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại được người sử dụng lao động trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và phải sử dụng trong quá trình làm việc.

2. Người sử dụng lao động thực hiện các giải pháp về công nghệ, kỹ thuật, thiết bị để loại trừ hoặc hạn chế tối đa yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động. ...".

Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia an toàn trong xây dựng quy định:

*"**Điều 2.1.5:***

*"**2.1.5.1** Phải lắp đặt lan can an toàn và tấm chặn chân ngăn ngừa người bị rơi, ngã khi làm việc ở độ cao từ 2,0 m trở lên (so với mặt đất, mặt sàn), trên mái nhà, mặt dốc, mái dốc hoặc ngã xuống hố, lỗ.*

***2.1.5.2** Trong trường hợp không thể lắp đặt lan can an toàn, phải thực*

hiện một trong các biện pháp sau:

a) Lắp đặt và duy trì lưới hoặc sàn đỡ an toàn;

b) Người lao động phải sử dụng dây an toàn và dây cứu sinh."

- Điều 2.7.1:

*"**2.7.1.1** Để ngăn ngừa nguy hiểm, người sử dụng lao động phải có kế hoạch và thực hiện các biện pháp ĐBAT chống rơi, ngã; biện pháp sơ cứu, cấp cứu trong các trường hợp sau:*

a) Làm việc trên cao: Tại nơi làm việc bên trong, ngoài hoặc trên công trình hoặc những nơi làm việc khác ở công trường mà vị trí đứng làm việc (tính từ đáy bàn chân người đứng) có độ cao từ 2,0 m trở lên so với bề mặt bên dưới như mặt đất, mặt sàn, mặt kết cấu, đáy hố và các bề mặt khác;

b) Làm việc trên các mái nhà, mái dốc (mái có độ dốc lớn hơn 10 độ).

***2.7.1.2** Tại các nơi làm việc nêu tại 2.7.1.1: Ở các khoảng trống (ví dụ: mép mái, quanh các lỗ mở), phải có lan can an toàn và tấm chặn chân. Trong trường hợp không thể lắp đặt lan can và tấm chặn chân, người lao động phải sử dụng dây an toàn.*

***2.7.1.4** Trong trường hợp không thể lắp đặt được lan can an toàn, người lao động khi làm việc trên cao (kể cả ở độ cao dưới 2,0 m nhưng vẫn có nguy cơ tai nạn nếu không có biện pháp bảo vệ) phải được bảo vệ đầy đủ bằng lưới an toàn, tấm (sàn) đỡ an toàn hoặc phải có sàn công tác hoặc phải sử dụng dây an toàn cùng với dây cứu sinh được treo (buộc) chắc chắn.*

***2.7.1.5** Người lao động làm việc trên cao, trên mái phải được đào tạo, được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo vệ, chống rơi, ngã theo quy định tại 2.19 và . Người sử dụng lao động phải cung cấp đầy đủ các phương tiện bảo vệ và thực hiện các biện pháp ĐBAT theo các quy định tại 2.7.2, 2.7.3 và phải kiểm tra, theo dõi sức khỏe của người lao động (thể chất và tinh thần) trước khi bắt đầu và trong khi làm việc."*

- Điều 2.19:

*"**2.19.1.1** Ở những nơi làm việc có các yếu tố có hại hoặc yếu tố nguy hiểm hoặc làm việc trong các điều kiện bất lợi, người sử dụng lao động phải trang bị đầy đủ cho người lao động các PTBVCN bao gồm quần, áo, giày ủng, mũ, găng tay và các loại dụng cụ, phương tiện cần thiết khác phù hợp với loại hình công việc, loại rủi ro theo quy định của pháp luật về ATVSLĐ và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền."*

***2.19.2.1** Căn cứ vào đặc điểm công việc, điều kiện và môi trường làm việc*

trên công trường, công trình nêu tại 2.19.1.1, người lao động phải sử dụng các PTBVCN, trong đó cần chú ý các nội dung sau:

a) Mũ bảo hiểm hoặc mũ cứng để bảo vệ đầu do vật rơi, bay vào hoặc va chạm với các vật thể xung quanh; ...".

Do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động" theo điểm a khoản 1 Điều 295 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tại phiên tòa về tội danh đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện tội phạm:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước về an toàn lao động gây hậu quả nghiêm trọng, xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải có biện pháp xử lý tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại và gia đình bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt:

Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh tại phiên tòa về áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Tòa án. Xét thấy bị cáo là lao động chính trong gia đình, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực khắc phục hậu quả. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có 02 tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xét thấy không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chính là phạt tù mà xem xét cho bị cáo được áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 6 Điều 295 Bộ luật Hình sự thì *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm*

nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Xét thấy bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Tô Văn H đã tự nguyện bồi thường cho đại diện bị hại số tiền 100.000.000 đồng, đại diện bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không đề cập giải quyết.

[8] Đối với ông Vũ Thanh B là chủ đầu tư đã ký hợp đồng với Tô Văn H giao khoán toàn bộ trách nhiệm toàn bộ về an toàn lao động trong khi thi công cho H nên không đề cập xử lý.

Đối với anh Hoàng Văn A cùng là công nhân do Tô Văn H thuê, cùng làm việc, nhận lương, ăn chia với bị hại ông Nguyễn Hữu C nên không đề cập xử lý.

[9] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: bị cáo, đại diện bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Tô Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

- Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Xử phạt: bị cáo Tô Văn H 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí và quyền kháng cáo: căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Tô Văn H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, vắng mặt đại diện bị hại. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho đại diện bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Đại diện bị hại;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng THADS KV 1 - Quảng Ninh;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh, Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh; Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Bùi Kim Dung – Lê Thu Thúy

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hương